

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 18/2019/QĐ-UBND

Thái Nguyên, ngày 20 tháng 8 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Giao thông đường bộ ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

Căn cứ Nghị định số 100/2013/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

Căn cứ Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

Căn cứ Thông tư số 35/2017/TT-BGTVT ngày 09 tháng 10/2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

Theo đề nghị của Sở Giao thông vận tải tại Tờ trình số 981/TTr-SGTVT ngày 17 tháng 7 năm 2019; Báo cáo số 323/BC-STP ngày 14 tháng 11 năm 2018 của Sở Tư pháp.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2019 và thay thế Quyết định số 49/2015/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Ủy ban nhân dân

tỉnh Thái Nguyên ban hành Quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành của tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

(Đã ký)

Vũ Hồng Bắc

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

Về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 18/2019/QĐ-UBND ngày 20/8/2019
của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên)*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này quy định một số nội dung về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đối với hệ thống đường tỉnh, đường huyện, đường xã; đầu nối đường nhánh vào đường tỉnh, đường huyện; đặt tên, số hiệu đường bộ.

2. Những quy định khác có liên quan đến phạm vi điều chỉnh nêu tại Khoản 1 Điều này, không có trong quy định này được thực hiện theo các quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan đến công tác quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ quy định tại Khoản 1 Điều 1 Quy định này.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. Cơ quan quản lý đường bộ là cơ quan, đơn vị được quy định tại Khoản 5 Điều 2 Thông tư số 37/2018/TT-BGTVT ngày 17 tháng 6 năm 2018 của Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý vận hành khai thác và bảo trì công trình đường bộ.

2. Nhà thầu quản lý, bảo dưỡng thường xuyên công trình đường bộ là các tổ chức, cá nhân thực hiện quản lý, bảo dưỡng thường xuyên công trình đường bộ theo hợp đồng ký với cơ quan trực tiếp quản lý công trình đường bộ hoặc ký với cơ quan được Nhà nước giao quản lý dự án bảo trì công trình đường bộ.

3. Tuần kiểm đường bộ là hoạt động tuần tra, kiểm tra bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ được quy định tại Khoản 2 Điều 3 Thông tư số 47/2012/TT-BGTVT ngày 12 tháng 11 năm 2012 của Bộ Giao thông vận tải quy định về tuần tra, kiểm tra bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

4. Tuần đường là hoạt động tuần tra, kiểm tra bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ, được quy định tại Khoản 1 Điều 3 Thông tư số 47/2012/TT-BGTVT ngày 12

tháng 11 năm 2012 của Bộ Giao thông vận tải quy định về tuần tra, kiểm tra bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

Điều 4. Phân cấp quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ

1. Ủy ban nhân dân tỉnh thống nhất quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trên địa bàn tỉnh.

2. Sở Giao thông vận tải quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đối với hệ thống quốc lộ do Bộ Giao thông vận tải ủy thác và hệ thống đường tỉnh; hướng dẫn, kiểm tra việc quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trên địa bàn tỉnh theo quy định.

3. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã (sau đây gọi là Ủy ban nhân dân cấp huyện) quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đối với hệ thống đường huyện và đường đô thị trên địa bàn cấp huyện và một số bộ phận của kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ khác được giao quản lý (hệ thống đèn tín hiệu, đèn chiếu sáng, biển báo, công trình an ninh... ở các tuyến quốc lộ, đường tỉnh trên địa bàn); phối hợp với Sở Giao thông vận tải và các cơ quan, đơn vị liên quan thực hiện quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đối với hệ thống quốc lộ, đường tỉnh trên địa bàn cấp huyện.

4. Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (sau đây gọi là Ủy ban nhân dân cấp xã) quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đối với hệ thống đường xã; phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan thực hiện quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đối với hệ thống quốc lộ, đường tỉnh, đường huyện trên địa bàn.

5. Thôn, xóm, bản quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng đối với đường trục thôn, xóm, bản, trục nội đồng, đường nhánh trên địa bàn theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân cấp xã.

6. Chủ đầu tư hoặc chủ sở hữu xây dựng công trình chịu trách nhiệm quản lý, bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đối với đường chuyên dùng.

Chương II

ĐẶT TÊN, SỐ HIỆU ĐƯỜNG BỘ

Điều 5. Đặt tên, số hiệu đường bộ

Nguyên tắc, cách đặt tên, số hiệu đường bộ thực hiện theo quy định tại Điều 3, Điều 4 Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ (sau đây viết tắt là Nghị định số 11/2010/NĐ-CP), Nghị định số 91/2005/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2005 của Chính phủ về việc ban hành quy chế đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng, Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23 tháng 9 năm 2015 của Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng

02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ (sau đây viết tắt là Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT) và Quyết định số 61/2008/QĐ-UBND ngày 03 tháng 12 năm 2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Quy định đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng tại các đô thị trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên (sau đây viết tắt là Quyết định số 61/2008/QĐ-UBND), cụ thể:

1. Đường tỉnh

a) Đường tỉnh được đặt tên và số hiệu

Số hiệu đường tỉnh gồm chữ viết tắt hệ thống đường tỉnh (ĐT), mã số đường tỉnh đặt theo thứ tự từ 261 - 275 (15 số) và cách nhau bởi dấu chấm (.). Ví dụ: ĐT.261, ĐT.262...

Trường hợp số đường tỉnh vượt quá 15 tuyến thì các tuyến đường bộ đặt tên sau được sử dụng lại các số hiệu đó kèm thêm một chữ cái lần lượt từ B đến Z (ví dụ: ĐT.261, ĐT.261B, ĐT.261C,...).

b) Sở Giao thông vận tải có trách nhiệm tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định đặt số hiệu cho từng tuyến đường tỉnh cụ thể và tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định đặt tên cho đường tỉnh.

2. Đường huyện được đặt tên hoặc số hiệu

Trường hợp đường huyện không đặt tên thì phải đặt số hiệu. Số hiệu đường huyện gồm chữ viết tắt hệ thống đường huyện (ĐH) và mã số đường huyện đặt theo thứ tự từ 01 - 99 cách nhau bởi dấu chấm (.). Ví dụ: ĐH.01, ĐH.02, ĐH.03,...

Mã số quy định đặt số hiệu đường huyện như sau:

TT	Tên đơn vị hành chính	Số hiệu đường huyện
1	Thành phố Thái Nguyên	01 – 19
2	Thành phố Sông Công	20 – 29
3	Thị xã Phổ Yên	30 – 39
4	Huyện Phú Bình	40 – 49
5	Huyện Đồng Hỷ	50 – 59
6	Huyện Võ Nhai	60 – 69
7	Huyện Đại Từ	70 – 79
8	Huyện Phú Lương	80 – 89
9	Huyện Định Hóa	90 – 99

Ví dụ: Đường Huyện có số hiệu 92 nằm trên địa bàn huyện Định Hóa, được viết trên cột kilômét là ĐH.92. Trường hợp trên địa bàn huyện hết số hiệu mà còn tuyến đường chưa có số hiệu thì sử dụng lại các số hiệu đó kèm thêm một chữ cái lần lượt từ B đến Z như ĐH.92B, ĐH.92C,....

b) Phòng Kinh tế và Hạ tầng các huyện, Phòng Quản lý đô thị các thành phố, thị xã có trách nhiệm tham mưu cho Ủy ban nhân dân cấp huyện trình Sở Giao thông vận tải thẩm định, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định đặt tên hoặc số hiệu cho từng tuyến đường huyện cụ thể theo mã số đường huyện cấp cho từng huyện, thành phố, thị xã.

3. Đường xã

a) Hệ thống đường xã không đặt số hiệu, chỉ đặt tên. Tên đường xã gồm chữ “Đường” kèm theo tên địa danh điểm đầu và điểm cuối hoặc tên theo tập quán địa phương.

Ví dụ: Đường Tân Lập 1 - Liên Phương thuộc xã Văn Lăng, huyện Đông Hỷ, tỉnh Thái Nguyên; Đường Khuổi Lừa - Kho Thóc thuộc xã Tân Thịnh, huyện Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên.

b) Phòng Kinh tế và Hạ tầng các huyện, Phòng Quản lý đô thị các thành phố, thị xã có trách nhiệm tham mưu cho Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định đặt tên cho hệ thống đường xã tại địa phương.

4. Đường đô thị

a) Đường đô thị được đặt tên, tạm thời chưa đặt số hiệu.

b) Hội đồng tư vấn về đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định đặt tên đường đô thị theo quy định tại Quyết định số 61/2008/QĐ-UBND.

Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã có trách nhiệm tham khảo ý kiến của Hội đồng tư vấn về đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng, các cơ quan chuyên môn để thực hiện việc đặt tên, đổi tên đường, phố thuộc thẩm quyền được phân cấp theo đúng trình tự, quy định tại Quyết định số 61/2008/QĐ-UBND.

5. Đường chuyên dùng

a) Đường chuyên dùng được đặt tên, tạm thời chưa đặt số hiệu.

b) Cơ quan, đơn vị chủ quản đường chuyên dùng quyết định đặt tên các tuyến đường chuyên dùng do mình quản lý sau khi có ý kiến chấp thuận của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Chương III

SỬ DỤNG ĐƯỜNG BỘ VÀ PHẠM VI BẢO VỆ KẾT CẤU HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ

Điều 6. Sử dụng đường bộ vào các hoạt động văn hóa

1. Cơ quan, tổ chức có nhu cầu sử dụng đường bộ để tiến hành hoạt động văn hóa (thể thao, diễu hành, lễ hội) phải gửi văn bản đề nghị đến cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền trước ngày diễn ra hoạt động văn hóa ít nhất là 10 ngày làm việc để được xem xét, chấp thuận. Văn bản phải nêu rõ nội dung, chương trình, thời gian sử dụng đường bộ và phương án bảo đảm an toàn giao thông.

2. Thẩm quyền chấp thuận sử dụng đường bộ vào hoạt động văn hóa:

a) Sở Giao thông vận tải chấp thuận đối với hoạt động văn hóa trên đường tỉnh hoặc trên nhiều hệ thống đường bộ, trong đó có đường tỉnh (trừ hệ thống đường bộ do Trung ương quản lý) khi đồng thời sử dụng vào hoạt động văn hóa.

b) Ủy ban nhân dân cấp huyện chấp thuận đối với hoạt động văn hóa trên đường huyện trong địa bàn hoặc đối với hoạt động văn hóa diễn ra đồng thời trên cả đường huyện và đường xã trong địa bàn.

d) Ủy ban nhân dân cấp xã chấp thuận đối với hoạt động văn hóa trên đường xã thuộc địa bàn.

2. Trình tự, thủ tục quyết định sử dụng đường bộ để tiến hành hoạt động văn hóa thực hiện theo quy định tại Điều 25 Nghị định số 11/2010/NĐ-CP.

Điều 7. Sử dụng tạm thời một phần lòng đường, hè phố không vào mục đích giao thông

Việc sử dụng tạm thời một phần lòng đường, hè phố không vào mục đích giao thông (bao gồm việc trông, giữ xe) thực hiện theo quy định tại Khoản 4 Điều 1 Nghị định số 100/2013/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP và Quyết định số 40/2010/QĐ-UBND ngày 06 tháng 12 năm 2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Quy định về quản lý và khai thác sử dụng lòng đường, lề đường, vỉa hè trong các đô thị và các khu dân cư tập trung trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

Điều 8. Sử dụng, khai thác đất của đường bộ và hành lang an toàn đường bộ

1. Đất dành cho đường bộ chỉ dành để xây dựng công trình đường bộ và công trình sử dụng, khai thác cho mục đích an toàn giao thông đường bộ; trừ một số công trình thiết yếu (theo quy định tại Khoản 2 Điều 43 Luật Giao thông đường bộ năm 2008) và công trình có yêu cầu đặc biệt về kỹ thuật không thể bố trí ngoài phạm vi đất dành cho đường bộ nhưng phải bảo đảm tính đồng bộ, an toàn và được cơ quan có thẩm quyền cho phép. Nghiêm cấm xây dựng trái phép các công trình khác trong phạm vi đất dành cho đường bộ.

2. Dự án khu đô thị, khu công nghiệp, khu kinh tế, khu dân cư, khu thương mại dịch vụ và các công trình khác phải xây dựng theo quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt và có hệ thống đường gom nằm ngoài hành lang an toàn đường bộ. Trường hợp đặc biệt do điều kiện địa hình, địa vật khó khăn hoặc không đủ quỹ đất, có thể xem xét cho phép một phần hoặc toàn bộ đường gom nằm trong hành lang an toàn đường bộ, Chủ đầu tư dự án chịu trách nhiệm xây dựng hệ thống đường gom.

Không được sử dụng đất dành cho đường bộ để làm công trình phụ trợ, đường đầu nối; trường hợp cần phải sử dụng đất dành cho đường bộ để làm đường đầu nối vào đường bộ thì phải thực hiện đúng vị trí đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt hoặc chấp thuận.

Các đường đầu nối từ cơ sở sản xuất kinh doanh, dịch vụ, trụ sở cơ quan vào đường tỉnh phải có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Sở Giao thông vận tải trước khi trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt hoặc chấp thuận; đầu nối vào đường huyện, đường xã phải được Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt hoặc chấp thuận. Việc đầu nối phải đảm bảo tầm nhìn, an toàn giao thông, thoát nước khu vực, không làm ảnh hưởng đến kết cấu và khả năng khai thác của đường bộ. Cơ quan, đơn vị có nhu cầu đầu nối vào đường bộ chịu trách nhiệm đầu tư điểm đầu nối; cơ quan quản lý đường bộ hướng dẫn cụ thể việc đầu nối vào đường bộ do đơn vị quản lý.

3. Không được sử dụng đất dành cho đường bộ làm nơi ở, hoạt động kinh doanh dịch vụ, neo đậu tàu, thuyền và xây dựng các công trình làm thay đổi dòng chảy, gây xói lở mất an toàn công trình cầu, cầu phao, bến phà, kè chỉnh trị dòng nước và kè chống xói nền đường.

4. Đất hành lang an toàn đường bộ được tạm thời sử dụng vào mục đích nông nghiệp, quảng cáo nhưng không được ảnh hưởng đến an toàn công trình, an toàn giao thông đường bộ và tuân theo các quy định sau:

a) Ao, hồ nuôi trồng thủy sản phải cách mép chân đường một khoảng tối thiểu bằng mức chênh lệch về độ cao giữa mép chân nền đường đắp và đáy ao, hồ. Mức nước trong ao, hồ không được cao hơn cao độ chân nền đường. Không làm ao, hồ nuôi trồng thủy sản hoặc tích nước phía trên mái ta luy nền đường đào.

b) Trường hợp trồng cây lương thực, hoa màu, cây ăn quả thì chiều cao của cây không cao quá 0,9m so với mặt đường ở đoạn nền đường đắp trong khu vực đường cong, nơi giao cắt của đường bộ với đường bộ, giao cắt đường bộ với đường sắt, nơi che khuất tầm nhìn; đối với đường đào thì phải trồng cách mép ngoài dải đất của đường bộ ít nhất là 06 mét. Nghiêm cấm trồng các loại cây có bộ rễ ảnh hưởng tới độ ổn định và bền vững của công trình đường bộ.

c) Hệ thống mương nước phải cách mép ngoài đất của đường bộ một khoảng cách tối thiểu bằng chiều sâu của mương và mức nước thiết kế an toàn trong mương

không được cao hơn cao độ chân nền đường. Trường hợp hành lang bị chôn lấn, khi sửa chữa, cải tạo, nâng cấp kênh, mương thủy lợi trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ phải được cơ quan quản lý đường bộ chấp thuận.

d) Việc lắp đặt quảng cáo trong hành lang an toàn đường bộ chỉ được thực hiện tạm thời khi điều kiện địa hình bên ngoài hành lang an toàn đường bộ không thực hiện được. Các biển quảng cáo lắp đặt tạm thời trong hành lang an toàn đường bộ không được gây ảnh hưởng đến an toàn giao thông và phải được cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền chấp thuận. Biển quảng cáo lắp đặt ngoài hành lang an toàn đường bộ không được gây ảnh hưởng đến an toàn giao thông.

5. Không được sử dụng gầm cầu đường bộ làm nơi ở, hoạt động kinh doanh dịch vụ, điểm dừng xe, bến xe gây mất an toàn công trình cầu, mất an toàn giao thông, ô nhiễm môi trường. Trường hợp đặc biệt, sử dụng gầm cầu đường bộ trong đô thị làm bãi đỗ xe tạm thời phải được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định (trừ gầm cầu đường bộ trên quốc lộ đi qua đô thị).

6. Việc sử dụng hành lang an toàn ở nơi đường bộ, đường sắt chôn lấn phải có văn bản chấp thuận của cơ quan quản lý đường bộ, cơ quan quản lý đường sắt có thẩm quyền; sử dụng hành lang an toàn đường bộ liên quan đến công trình an ninh, quốc phòng liên hệ phải có ý kiến thống nhất của Bộ Công an, Bộ Quốc phòng.

7. Các cửa hàng bán lẻ xăng dầu đầu nối vào đường tỉnh phải có ý kiến chấp thuận về chủ trương đầu nối của Ủy ban nhân dân tỉnh; chấp thuận về thiết kế kỹ thuật điểm đầu nối của Sở Giao thông vận tải. Trường hợp đầu nối vào đường huyện, đường xã, đường đô thị phải có ý kiến chấp thuận về chủ trương đầu nối và thiết kế kỹ thuật điểm đầu nối của Ủy ban nhân dân cấp huyện.

8. Nghiêm cấm việc đào, san lấp mặt bằng làm thay đổi cao trình tự nhiên của đất dành cho đường bộ khi chưa được cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền đồng ý bằng văn bản.

9. Nghiêm cấm việc chuyển đổi mục đích sử dụng đất trong phạm vi đất dành cho đường bộ từ các loại đất khác sang đất ở, đất kinh doanh. Khuyến khích chuyển đổi mục đích sử dụng đất phi nông nghiệp sang đất nông nghiệp trong phạm vi đất dành cho đường bộ để kết hợp canh tác nếu đủ điều kiện đảm bảo giao thông, an toàn công trình đường bộ.

10. Các công trình xây dựng trên đất dành cho đường bộ chỉ được thi công khi đã được cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền cấp Giấy phép thi công và đã thực hiện các biện pháp bảo đảm giao thông theo quy định.

11. Chủ đầu tư công trình sử dụng, khai thác phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ có trách nhiệm sau đây:

a) Thực hiện đầy đủ các thủ tục về thoả thuận, chấp thuận thiết kế (thiết kế cơ sở, thiết kế kỹ thuật hoặc thiết kế bản vẽ thi công, tùy theo quy mô, tính chất của công trình xây dựng, sau đây gọi chung là thiết kế), thẩm định thiết kế (nếu cần thiết) và cấp Giấy phép thi công theo quy định của pháp luật.

b) Di chuyển, dỡ bỏ hoặc cải tạo công trình đảm bảo yêu cầu về kỹ thuật và tiến độ của cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền.

c) Không được yêu cầu bồi thường và phải chịu mọi chi phí do việc di chuyển, dỡ bỏ hoặc cải tạo công trình.

12. Trường hợp công trình trên đất hành lang an toàn đường bộ có trước quy định về quản lý hành lang an toàn đường bộ có hiệu lực, đúng với mục đích sử dụng trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất của cơ quan có thẩm quyền cấp, không ảnh hưởng đến an toàn giao thông thì được tiếp tục sử dụng.

Khi có yêu cầu thu hồi đất để nâng cấp, cải tạo công trình giao thông thì Chủ đầu tư tiến hành việc nâng cấp, cải tạo công trình giao thông phải bồi thường, hỗ trợ cho chủ công trình bị dỡ bỏ theo quy định của pháp luật.

13. Đối với các dự án khi đầu tư xây dựng ảnh hưởng đến công trình đường bộ đang khai thác, phải xây dựng tuyến đường bộ để thay thế:

a) Kinh phí xây dựng tuyến đường bộ thay thế do chủ đầu tư dự án chịu trách nhiệm.

b) Chủ đầu tư dự án phải có ý kiến thỏa thuận với cơ quan, đơn vị có thẩm quyền từ bước lập dự án về hướng tuyến, quy mô, tiêu chuẩn kỹ thuật và các vấn đề khác có liên quan đến tuyến đường bộ thay thế, cụ thể:

- Đối với tuyến đường tỉnh phải có ý kiến thỏa thuận của Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Đối với tuyến đường huyện, đường xã phải có ý kiến thỏa thuận của Ủy ban nhân dân cấp huyện.

- Đối với tuyến đường chuyên dùng phải có ý kiến thỏa thuận của Chủ đầu tư, chủ sở hữu đường chuyên dùng.

Điều 9. Chấp thuận thiết kế và cấp giấy phép thi công xây dựng công trình đường bộ trong phạm vi đất dành cho đường bộ đang khai thác

1. Chủ đầu tư dự án xây dựng mới, nâng cấp, cải tạo công trình đường bộ trong phạm vi đất dành cho đường bộ đang khai thác phải gửi hồ sơ đến cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền để được chấp thuận thiết kế trước khi trình cấp có thẩm quyền phê duyệt dự án, báo cáo kinh tế kỹ thuật.

2. Sau khi dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt dự án đầu tư hoặc phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật, chủ đầu tư hoặc nhà thầu thi công lập hồ sơ cấp giấy phép thi công gửi đến cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền để được cấp phép.

3. Thẩm quyền chấp thuận thiết kế và cấp giấy phép thi công xây dựng công trình như sau:

a) Sở Giao thông vận tải chấp thuận thiết kế và cấp giấy phép thi công đối với hệ thống đường tỉnh.

b) Cơ quan quản lý khác chấp thuận thiết kế và cấp phép thi công đối với hệ thống đường do Ủy ban nhân dân tỉnh giao quản lý.

c) Ủy ban nhân dân cấp huyện chấp thuận thiết kế và cấp giấy phép thi công đối với hệ thống đường huyện, đường xã, đường đô thị và các tuyến đường khác trên địa bàn thuộc địa giới hành chính do cấp huyện quản lý, trừ các tuyến do Trung ương quản lý và quy định tại Điểm a, Điểm b Khoản 3 Điều này.

4. Hồ sơ, trình tự, cách thức thực hiện các thủ tục theo quy định tại Điều 18, Điều 19 Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT.

5. Trường hợp cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền trực tiếp làm chủ đầu tư dự án thì không phải thực hiện thủ tục trên.

6. Tổ chức, cá nhân quản lý, bảo trì đường bộ làm công tác bảo dưỡng thường xuyên không phải đề nghị cấp giấy phép thi công nhưng phải thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn giao thông trong suốt quá trình thực hiện nhiệm vụ.

Điều 10. Chấp thuận thiết kế và cấp giấy phép thi công xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi đất dành cho đường bộ đang khai thác

1. Đối với dự án đầu tư xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp, mở rộng công trình thiết yếu:

Hồ sơ, trình tự, thủ tục, thẩm quyền chấp thuận thiết kế và cấp giấy phép thi công thực hiện theo quy định tại Khoản 1, Khoản 2, Khoản 3, Khoản 4 Điều 9 Quy định này.

2. Đối với dự án sửa chữa công trình thiết yếu:

a) Chủ đầu tư dự án sửa chữa công trình thiết yếu trong phạm vi đất dành cho đường bộ đang khai thác phải gửi hồ sơ thiết kế và hồ sơ đề nghị cấp giấy phép thi công xây dựng đến cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền để được chấp thuận thiết kế và cấp giấy phép thi công trong cùng thời điểm.

b) Thẩm quyền chấp thuận thiết kế và cấp giấy phép thi công thực hiện áp dụng theo quy định tại Khoản 3 Điều 9 Quy định này.

c) Hồ sơ, trình tự, cách thức thực hiện các thủ tục theo quy định tại Khoản 6 Điều 1 Thông tư số 35/2017/TT-BGTVT ngày 09 tháng 10/2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông

vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ (sau đây viết tắt là Thông tư số 35/2017/TT-BGTVT).

Điều 11. Chấp thuận thiết kế và cấp giấy phép thi công xây dựng biển quảng cáo tạm thời trong phạm vi đất dành cho đường bộ đang khai thác

1. Việc lắp đặt biển quảng cáo trong hoặc ngoài hành lang an toàn đường bộ, tuân theo các quy định của pháp luật về quảng cáo và quản lý, bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

2. Giới hạn khoảng cách an toàn đường bộ theo chiều ngang của biển quảng cáo tính từ mép đất của đường bộ đến điểm gần nhất của biển quảng cáo, tối thiểu bằng 1,3 lần chiều cao của biển (điểm cao nhất của biển) và không được nhỏ hơn 05 mét. Nếu giới hạn này bị vi phạm, Nhà thầu quản lý, bảo dưỡng thường xuyên công trình đường bộ đề nghị cơ quan cấp phép xây dựng biển quảng cáo yêu cầu tổ chức, cá nhân dừng việc lắp đặt biển quảng cáo.

3. Cơ quan có thẩm quyền chấp thuận và cấp phép thi công xây dựng biển quảng cáo tạm thời trong phạm vi hành lang an toàn đường bộ của hệ thống đường địa phương đang khai thác được quy định như sau:

a) Sở Giao thông vận tải chấp thuận, cấp phép thi công xây dựng biển quảng cáo đối với hệ thống đường tỉnh.

b) Cơ quan quản lý khác chấp thuận, cấp phép thi công xây dựng biển quảng cáo đối với hệ thống đường do UBND tỉnh giao quản lý sau khi có ý kiến thống nhất của Sở Giao thông vận tải.

c) Ủy ban nhân dân cấp huyện chấp thuận, cấp phép thi công xây dựng biển quảng cáo đối với hệ thống đường huyện, đường xã, đường đô thị và các tuyến đường khác trên địa bàn thuộc địa giới hành chính do cấp huyện quản lý, trừ các tuyến do Trung ương quản lý và quy định tại Điểm a, Điểm b Khoản 3 Điều này. Trường hợp thấy cần thiết có thể xin ý kiến thống nhất của Sở Giao thông vận tải trước khi quyết định.

4. Trình tự, cách thức thực hiện, hồ sơ, thời gian giải quyết thủ tục chấp thuận xây dựng, thủ tục cấp phép thi công thực hiện theo quy định tại Điều 18, Điều 19 Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT.

Điều 12. Xây dựng công trình thiết yếu trên các tuyến đường địa phương được xây dựng mới hoặc nâng cấp, cải tạo

1. Khi lập dự án xây dựng mới, nâng cấp, cải tạo các tuyến đường địa phương hoặc nắn chỉnh tuyến, xây dựng tuyến tránh, chủ đầu tư dự án xây dựng phải:

a) Gửi thông báo đến các Sở, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện có liên quan về thông tin cơ bản của dự án (cấp kỹ thuật, quy mô, hướng tuyến, mặt cắt ngang, thời gian dự kiến khởi công và hoàn thành) để các tổ chức có nhu cầu xây dựng các công trình thiết yếu được biết.

b) Tổng hợp nhu cầu, đề xuất giải pháp bảo đảm an toàn, bền vững công trình của dự án đường bộ do ảnh hưởng của việc xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ, báo cáo cấp quyết định đầu tư xem xét, quyết định.

c) Căn cứ ý kiến của cấp quyết định đầu tư, chủ đầu tư dự án đường bộ thông báo cho tổ chức có công trình thiết yếu biết việc xây dựng hợp kỹ thuật hoặc việc thực hiện các giải pháp bảo đảm an toàn, bền vững công trình của dự án đường bộ khi xây dựng công trình thiết yếu.

2. Tổ chức, cá nhân có nhu cầu xây dựng công trình thiết yếu có liên quan đến dự án xây dựng mới, nâng cấp, cải tạo các tuyến đường địa phương hoặc nắn chỉnh tuyến, xây dựng tuyến tránh phải:

a) Gửi văn bản đề nghị (kèm theo yêu cầu thiết kế kỹ thuật của hạng mục công trình thiết yếu sẽ xây dựng trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ) đến chủ đầu tư dự án xây dựng đường bộ.

b) Thực hiện các giải pháp bảo đảm an toàn, bền vững công trình đường bộ khi xây dựng công trình thiết yếu và đồng bộ với quá trình thi công dự án đường bộ.

3. Khi có nhu cầu thi công, lắp đặt công trình thiết yếu trong hợp kỹ thuật đã được xây dựng của công trình đường bộ, chủ đầu tư công trình thiết yếu thực hiện theo Điều 10 quy định này để được chấp thuận thiết kế, cấp giấy phép thi công và thực hiện chi trả kinh phí thuê hợp kỹ thuật theo quy định của pháp luật.

4. Mọi chi phí phát sinh để thực hiện các giải pháp bảo đảm an toàn, bền vững công trình đường bộ khi xây dựng công trình thiết yếu gây ra do chủ đầu tư công trình thiết yếu chi trả.

Chương IV

ĐÁU NỐI ĐƯỜNG NHÁNH VÀO ĐƯỜNG TỈNH

Điều 13. Đấu nối vào đường tỉnh

1. Các đường đấu nối vào đường tỉnh bao gồm:

a) Đường huyện, đường xã, đường đô thị.

b) Đường dẫn ra, vào cửa hàng xăng dầu, trạm dừng nghỉ.

c) Đường chuyên dùng gồm: Đường lâm nghiệp, đường khai thác mỏ, đường phục vụ thi công, đường ra vào khu công nghiệp, đường nối trực tiếp từ công trình đơn lẻ.

d) Đường gom, đường nối từ đường gom.

2. Đường nhánh đầu nối vào đường tỉnh phải thông qua điểm đầu nối được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt hoặc chấp thuận đối với trường hợp riêng lẻ. Đầu nối đường nhánh vào đường tỉnh trong phạm vi đô thị thực hiện theo quy hoạch đô thị đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Cao độ đường ra, vào và mặt bằng xây dựng cửa hàng xăng dầu, trạm dừng nghỉ hoặc các công trình khác phải đảm bảo thoát nước trong khu vực hoặc thấp hơn cao độ mặt đường chính ở những đoạn đường chưa xây dựng rãnh thoát nước. Đường từ nhà ở, cơ sở sản xuất kinh doanh, dịch vụ chỉ được đầu nối vào đường tỉnh thông qua đường nhánh hoặc đầu nối tạm thời theo hướng dẫn của Sở Giao thông vận tải.

Sở Giao thông vận tải xem xét, cho phép đường nhánh đầu nối tạm có thời hạn để vận chuyển vật tư, thiết bị và thi công kết cấu hạ tầng của dự án nằm ngoài phạm vi đất dành cho đường bộ; đầu nối tạm thời từ nhà ở, từ cơ sở sản xuất kinh doanh, dịch vụ ra đường tỉnh.

3. Thiết kế nút giao của đường nhánh đầu nối vào đường tỉnh phải thực hiện theo tiêu chuẩn kỹ thuật hiện hành về yêu cầu thiết kế đường ô tô.

4. Đầu nối đường nhánh vào dự án đường tỉnh được xây dựng mới hoặc nâng cấp, cải tạo, nắn chỉnh tuyến hoặc xây dựng tuyến tránh:

Chủ đầu tư dự án phải căn cứ quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương (đối với đường tỉnh được xây dựng mới hoặc xây dựng tuyến tránh) để xác định vị trí và quy mô các nút giao (nút giao khác mức liên thông hoặc trực thông, nút giao đồng mức) giữa các tuyến đường bộ hiện có với dự án đường tỉnh được xây dựng, xác định vị trí vào các trạm dịch vụ theo tiêu chuẩn thiết kế đường ô tô ngay từ bước lập dự án; gửi phương án thiết kế tuyến đến Sở Giao thông vận tải xin ý kiến chấp thuận để trình cấp có thẩm quyền phê duyệt dự án và thiết kế kỹ thuật tuyến đường.

5. Đầu nối đường nhánh vào đường tỉnh đang khai thác:

a) Ủy ban nhân dân cấp huyện căn cứ nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội và quy hoạch phát triển giao thông vận tải của địa phương đề xuất với Sở Giao thông vận tải các điểm đầu nối mới. Các điểm đầu nối hiện đang sử dụng nếu đảm bảo an toàn giao thông thì được phép tồn tại, nếu không đảm bảo an toàn giao thông thì phải xóa bỏ hoặc phải cải tạo các điểm đầu để đảm bảo an toàn.

b) Chủ đầu tư, chủ sử dụng nút giao, điểm đầu nối phải tự xóa bỏ hoặc cải tạo nút giao và không được bồi thường, hỗ trợ khi Sở Giao thông vận tải yêu cầu xóa bỏ hoặc cải tạo nút giao.

6. Chủ công trình, dự án được Ủy ban nhân dân tỉnh giao sử dụng điểm đầu nối phải căn cứ tiêu chuẩn, yêu cầu thiết kế đường ô tô hiện hành để lập và gửi hồ sơ đến Sở Giao thông vận tải xem xét, chấp thuận thiết kế và phương án tổ chức giao thông của nút giao đường nhánh đầu nối vào đường tỉnh.

7. Nút giao đường nhánh đầu nối vào đường tỉnh đang khai thác chỉ được thi công sau khi đã được Sở Giao thông vận tải cấp giấy phép thi công và có biện pháp đảm bảo giao thông, an toàn giao thông theo quy định.

Điều 14. Chấp thuận thiết kế và phương án tổ chức thi công nút giao đường nhánh đầu nối vào đường tỉnh

1. Chủ công trình, dự án căn cứ các điểm đầu nối đã được phê duyệt hoặc đã được Ủy ban nhân dân tỉnh chấp thuận, căn cứ tiêu chuẩn, yêu cầu thiết kế đường ô tô hiện hành, lập và gửi hồ sơ đến Sở Giao thông vận tải để được xem xét chấp thuận thiết kế và phương án tổ chức giao thông.

2. Trình tự, cách thức thực hiện, hồ sơ, thời gian giải quyết thủ tục chấp thuận thiết kế và phương án tổ chức thi công nút giao đường nhánh đầu nối vào đường tỉnh thực hiện theo quy định tại Điều 26 Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT và Khoản 9 Điều 1 Thông tư số 35/2017/TT-BGTVT.

3. Đối với các dự án đường bộ xây dựng mới có đầu nối vào đường tỉnh đã được Sở Giao thông vận tải phê duyệt hoặc thẩm định thiết kế kỹ thuật thì không phải thực hiện bước đề nghị chấp thuận thiết kế kỹ thuật và phương án tổ chức giao thông.

4. Văn bản chấp thuận thiết kế kỹ thuật và phương án tổ chức giao thông của nút giao có giá trị trong thời gian 12 tháng kể từ ngày ban hành, nếu quá thời gian 12 tháng chủ dự án phải làm đơn đề nghị gia hạn. Thủ tục gia hạn như quy định đối với việc gia hạn chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu tại Khoản 7 Điều 13 Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT.

Điều 15. Cấp giấy phép thi công nút giao đường nhánh đầu nối vào đường tỉnh

1. Sau khi có văn bản chấp thuận thiết kế và phương án tổ chức giao thông của cơ quan có thẩm quyền, chủ đầu tư lập hồ sơ xin cấp giấy phép thi công, gửi Sở Giao thông vận tải cấp phép.

2. Trình tự, cách thức thực hiện, hồ sơ, thời gian giải quyết thủ tục cấp giấy phép thi công nút giao đường nhánh đầu nối vào đường tỉnh thực hiện theo quy định tại Điều 27 Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT.

Điều 16. Đấu nối tạm có thời hạn vào đường tỉnh đang khai thác

1. Đối với dự án, công trình xây dựng do điều kiện địa hình trong khu vực khó khăn hoặc điều kiện kỹ thuật của thiết bị, cho phép mở điểm đấu nối tạm thời để làm đường công vụ vận chuyển nguyên vật liệu, vận chuyển thiết bị máy móc; hết thời hạn đấu nối tạm sẽ hoàn trả hiện trạng ban đầu của kết cấu công trình và hành lang an toàn đường bộ.

2. Thời hạn sử dụng điểm đấu nối tạm quy định tại Khoản 1 Điều này bằng tiến độ thi công của dự án. Sau thời hạn này, chủ đầu tư dự án có trách nhiệm xóa bỏ điểm đấu nối tạm và hoàn trả kết cấu công trình và hành lang an toàn đường bộ như ban đầu.

3. Trình tự, cách thức thực hiện, hồ sơ, thời gian giải quyết thủ tục đấu nối tạm có thời hạn vào đường tỉnh đang khai thác thực hiện theo quy định tại Điều 28 Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT.

Điều 17. Nghiệm thu, quản lý, sử dụng nút giao đường nhánh đấu nối vào đường tỉnh sau khi thi công hoàn thành

1. Nút giao sau khi hoàn thành phải được Sở Giao thông vận tải nghiệm thu và chấp thuận đưa vào khai thác, sử dụng.

2. Chủ đầu tư chịu trách nhiệm về chất lượng công trình nút giao ảnh hưởng đến an toàn giao thông, bền vững kết cấu công trình đường bộ và phải nộp 01 bộ hồ sơ hoàn công để cơ quan cấp giấy phép thi công lưu trữ và bổ sung, cập nhật nút giao vào hồ sơ quản lý tuyến đường.

3. Chủ sử dụng nút giao chịu trách nhiệm bảo trì nút giao; việc bảo dưỡng thường xuyên nút giao không phải đề nghị cấp giấy phép thi công nhưng phải chịu trách nhiệm nếu để xảy ra tai nạn giao thông; khi sửa chữa định kỳ nút giao phải đề nghị cấp giấy phép thi công theo quy định tại Điều này.

Chương V**TỔ CHỨC THỰC HIỆN****Điều 18. Trách nhiệm của Nhà thầu quản lý, bảo dưỡng thường xuyên công trình đường bộ**

1. Thường xuyên kiểm tra, phát hiện kịp thời các hành vi xâm phạm công trình đường bộ, các hành vi lấn, chiếm và sử dụng trái phép đất của đường bộ và hành lang an toàn đường bộ. Ngay khi phát hiện vi phạm phải yêu cầu đình chỉ hành vi vi phạm và thông báo ngay cho Ủy ban nhân dân cấp xã, lực lượng Tuần kiểm đường bộ và Thanh tra đường bộ để phối hợp lập biên bản vi phạm hành chính và xử lý theo thẩm quyền. Nếu cần thiết, phải áp dụng các biện pháp tạm thời nhằm bảo đảm an toàn giao thông, an toàn công trình đường bộ.

2. Phối hợp với lực lượng Tuần kiểm đường bộ, Thanh tra đường bộ và các cơ quan chức năng của chính quyền địa phương thực hiện giải toả công trình lấn chiếm, sử dụng trái phép hành lang an toàn đường bộ thuộc phạm vi đơn vị trực tiếp quản lý; định kỳ báo cáo cơ quan quản lý đường bộ cấp trên về công tác quản lý hành lang an toàn đường bộ.

3. Trong vòng 24 giờ sau khi lập biên bản vi phạm, Nhà thầu quản lý, bảo dưỡng thường xuyên công trình đường bộ phải lập hồ sơ vi phạm gửi Tuần kiểm đường bộ, Thanh tra đường bộ và Ủy ban nhân dân cấp xã đề nghị xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật. Trường hợp sau 24 giờ kể từ khi hành vi vi phạm xảy ra mà Tuần kiểm hoặc Thanh tra đường bộ không nhận được báo cáo vi phạm từ đơn vị trực tiếp quản lý đường bộ (hoặc sau 72 giờ kể từ khi hành vi vi phạm xảy ra mà đơn vị trực tiếp quản lý đường bộ không xác định được đối tượng vi phạm) thì đơn vị trực tiếp quản lý đường bộ có trách nhiệm tự hoàn trả lại hiện trạng ban đầu của kết cấu hạ tầng đường bộ, hành lang an toàn đường bộ, đồng thời bị phạt không nghiệm thu công tuần đường của tuyến đó trong thời gian chờ khắc phục vi phạm. Trường hợp chưa khắc phục, xử lý xong vi phạm trước đó lại tiếp tục phát sinh các vụ việc vi phạm khác mà Nhà thầu quản lý, bảo dưỡng thường xuyên công trình đường bộ không thực hiện các nghĩa vụ ngăn chặn, xử lý thì bị chấm dứt hợp đồng quản lý, bảo trì và phải chịu bồi thường các tổn thất cho Chủ đầu tư do việc chấm dứt hợp đồng gây ra.

Điều 19. Trách nhiệm của Sở Giao thông vận tải

1. Tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh thống nhất quản lý Nhà nước về đường bộ trong phạm vi toàn tỉnh; trình Ủy ban nhân dân tỉnh tỉnh ban hành các văn bản về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ và hướng dẫn thực hiện.

2. Trực tiếp tổ chức quản lý, bảo vệ kết cấu hạ tầng các tuyến đường tỉnh:

a) Chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã cắm mốc giới hạn xác định hành lang an toàn đường bộ đối với các tuyến đường đang khai thác thuộc phạm vi quản lý; công khai và bàn giao cho Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý, bảo vệ phạm vi hành lang an toàn đường bộ đã được cắm mốc lộ giới.

b) Xây dựng kế hoạch và biện pháp xử lý các vi phạm hành lang an toàn đường bộ thuộc phạm vi quản lý chưa được giải quyết triệt để; đồng thời, báo cáo kết quả và những khó khăn, vướng mắc về Ủy ban nhân dân tỉnh để tiếp tục có biện pháp giải quyết.

c) Cập nhật số liệu của công trình thiết yếu được xây dựng mới, công trình sửa chữa, cải tạo nâng cấp vào sơ đồ quản lý công trình thiết yếu của tuyến đường bộ được giao quản lý.

d) Chỉ đạo lực lượng Thanh tra giao thông chủ trì, phối hợp với Nhà thầu quản lý, bảo dưỡng thường xuyên công trình đường bộ, lực lượng Công an và chính quyền

địa phương thực hiện công tác bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trên các tuyến đường được phân cấp quản lý hoặc ủy thác quản lý, kịp thời xử lý các hành vi vi phạm thuộc phạm vi trách nhiệm được giao.

3. Phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp huyện và các cơ quan liên quan tuyên truyền, phổ biến, giáo dục và thực hiện các quy định pháp luật về quản lý, bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

4. Chỉ đạo, tổ chức bồi dưỡng cán bộ quản lý, bảo vệ công trình đường bộ do địa phương quản lý.

5. Kiểm tra, thanh tra việc thực hiện các quy định của pháp luật về quản lý, bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

6. Xây dựng kế hoạch, tổ chức và kiểm tra thực hiện công tác phòng, chống và khắc phục hư hại của công trình đường bộ do sự cố thiên tai, địch họa gây ra.

7. Phối hợp với Sở Tài chính và các cơ quan liên quan tham mưu cho UBND tỉnh phân bổ kinh phí quản lý, bảo trì đường bộ, giải tỏa hành lang an toàn đường bộ, phòng chống, khắc phục hậu quả do thiên tai, địch họa gây ra đối với hệ thống đường địa phương.

Điều 20. Trách nhiệm của Công an tỉnh

1. Chỉ đạo, hướng dẫn lực lượng Công an kiểm tra, xử lý vi phạm pháp luật về bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ theo thẩm quyền.

2. Phối hợp với Sở Giao thông vận tải thực hiện chức năng quản lý Nhà nước về bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; lập phương án bảo vệ các công trình đường bộ quan trọng khi có sự cố về an ninh trật tự, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt và tổ chức thực hiện.

Điều 21. Trách nhiệm của Sở Tài nguyên và Môi trường

Chủ trì, phối hợp với Sở Giao thông vận tải và Ủy ban nhân dân cấp huyện trong việc lập quy hoạch sử dụng đất, kế hoạch sử dụng đất, hướng dẫn nhu cầu sử dụng đất cho kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan hướng dẫn, kiểm tra việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với các trường hợp bị thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất... thuộc hành lang đường bộ theo quy định. Tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện công tác bảo vệ môi trường đối với kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trên địa bàn tỉnh.

Điều 22. Trách nhiệm của Sở Xây dựng

Tham mưu quy hoạch các công trình xây dựng dọc hai bên đường bộ; chỉ đạo, hướng dẫn quản lý xây dựng ngoài hành lang an toàn đường bộ; phối hợp với Sở Giao thông vận tải, Ủy ban nhân dân cấp huyện trong công tác lập và thực hiện quy hoạch kết cấu hạ tầng giao thông đô thị.

Điều 23. Trách nhiệm của Sở Công Thương

Hướng dẫn thực hiện xây dựng các điểm kinh doanh xăng dầu dọc theo các tuyến đường địa phương; phối hợp với Sở Giao thông vận tải xác định vị trí điểm đầu nối từ cửa hàng bán lẻ xăng dầu vào đường tỉnh theo đúng quy định.

Điều 24. Trách nhiệm của Sở Tài chính

Chủ trì, phối hợp với Sở Giao thông vận tải tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí nguồn ngân sách để thực hiện công tác quản lý, bảo trì đường bộ, bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ và giải tỏa hành lang an toàn đường bộ.

Điều 25. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện

1. Thực hiện quản lý và bảo trì hệ thống đường bộ được giao theo phân cấp.
2. Tổ chức, chỉ đạo việc tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trên địa bàn.
3. Hướng dẫn và tổ chức thực hiện các quy định về bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trên địa bàn, bao gồm:

a) Giải tỏa các công trình ảnh hưởng đến phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trên địa bàn, đảm bảo phù hợp với quy hoạch phát triển giao thông đường bộ, không ảnh hưởng đến an toàn công trình đường bộ và hoạt động giao thông vận tải.

b) Phối hợp với Cơ quan quản lý đường bộ, Nhà thầu quản lý, bảo dưỡng thường xuyên công trình đường bộ, Thanh tra đường bộ xử lý theo thẩm quyền các hành vi xâm phạm công trình đường bộ, các hành vi lấn chiếm, sử dụng trái phép đất dành cho đường bộ trên địa bàn.

c) Tổ chức thực hiện cưỡng chế để giải tỏa vi phạm, lập lại trật tự hành lang an toàn đường bộ; ngăn chặn và chấm dứt tình trạng tái lấn, chiếm, sử dụng trái phép hành lang an toàn đường bộ trên địa bàn.

4. Chỉ đạo và kiểm tra đối với Ủy ban nhân dân cấp xã trong việc phối hợp Nhà thầu quản lý, bảo dưỡng thường xuyên công trình đường bộ thực hiện các biện pháp phòng ngừa, ngăn chặn, xử lý vi phạm, giải tỏa vi phạm hành lang an toàn đối với hệ thống đường bộ được giao theo phân cấp.

5. Cấp, thu hồi Giấy phép thi công, đình chỉ hoạt động gây mất an toàn giao thông, an toàn công trình đường bộ trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ được giao quản lý theo phân cấp.

6. Quản lý việc sử dụng đất trong và ngoài hành lang an toàn đường bộ, đặc biệt là việc giao đất, cấp Giấy phép xây dựng dọc theo đường bộ trong địa bàn. Chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã cắm mốc giới xác định hành lang an toàn đường bộ đối với các tuyến đường đang khai thác thuộc phạm vi quản lý; công bố công khai mốc giới bảo vệ phạm vi hành lang an toàn đường bộ đã được cắm mốc giới.

7. Chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra đối với Ủy ban nhân dân cấp xã trong các lĩnh vực:

a) Bảo vệ các công trình đường bộ trên địa bàn.

b) Giải toả các công trình vi phạm về bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trên địa bàn.

8. Huy động lực lượng, vật tư, thiết bị để khôi phục giao thông kịp thời khi bị thiên tai, địch họa.

9. Lập kế hoạch và chỉ đạo thực hiện các biện pháp phòng ngừa, ngăn chặn, xử lý vi phạm, giải toả hành lang an toàn đường bộ trên địa bàn.

10. Giải quyết tranh chấp, khiếu nại và tố cáo liên quan đến việc bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trên địa bàn theo quy định của pháp luật.

Điều 26. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã

1. Quản lý, bảo trì đường bộ được giao theo phân cấp.

2. Quản lý việc sử dụng đất trong và ngoài hành lang an toàn đường bộ; tiếp nhận bàn giao và quản lý, bảo vệ mốc lộ giới đường bộ trên địa bàn.

3. Phát hiện và phối hợp với Nhà thầu quản lý, bảo dưỡng thường xuyên công trình đường bộ, Thanh tra đường bộ xử lý kịp thời, theo thẩm quyền các hành vi lấn, chiếm, sử dụng trái phép đất dành cho đường bộ, hành lang an toàn đường bộ trên địa bàn.

4. Tuyên truyền, phổ biến và giáo dục nhân dân các quy định về phạm vi đất dành cho đường bộ, bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

5. Huy động mọi lực lượng, vật tư, thiết bị để bảo vệ công trình, kịp thời khôi phục giao thông khi có thiên tai, địch họa.

6. Giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo liên quan đến việc bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trên địa bàn theo quy định của pháp luật.

Điều 27. Trách nhiệm của cơ quan, đơn vị chủ quản đường chuyên dùng

1. Có trách nhiệm chính trong toàn bộ công tác quản lý, bảo vệ kết cấu công trình, đất của công trình đường bộ và hành lang an toàn đường bộ trên tuyến đường bộ thuộc thẩm quyền quản lý.

2. Chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã cắm mốc giới hạn xác định hành lang an toàn đường bộ đối với các tuyến đường thuộc phạm vi quản lý; công khai và trực tiếp quản lý, bảo vệ đối với phạm vi hành lang an toàn đường bộ đã được cắm mốc lộ giới.

3. Xây dựng kế hoạch, bố trí kinh phí bồi thường, giải phóng mặt bằng dứt điểm đối với các trường hợp tồn tại trong hành lang an toàn đường bộ thuộc phạm vi quản lý.

Điều 28. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân và các cơ quan liên quan

1. Mọi cơ quan, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ, phát hiện và thông báo kịp thời đến cơ quan quản lý đường bộ hoặc Ủy ban nhân dân cấp xã, cấp huyện nơi gần nhất đối với các hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; chịu trách nhiệm trước pháp luật đối với các hành vi vi phạm quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ, đặc biệt trong trường hợp không chấp hành yêu cầu của Nhà thầu quản lý, bảo dưỡng thường xuyên công trình đường bộ hoặc các cơ quan bảo vệ pháp luật khi tiến hành lập biên bản vi phạm và xử lý vi phạm theo thẩm quyền.

2. Chủ đầu tư đối với đường đang triển khai dự án xây dựng mới, nâng cấp, cải tạo chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã cắm mốc giới hạn xác định hành lang an toàn đường bộ đối với công trình đang triển khai; công khai và bàn giao cho Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý, bảo vệ phạm vi hành lang an toàn đường bộ đã được cắm mốc lộ giới.

3. Các cơ quan bảo vệ pháp luật ở địa phương trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm xử lý các hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ theo thẩm quyền và phối hợp với Nhà thầu quản lý, bảo dưỡng thường xuyên công trình đường bộ trong việc bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

Điều 29. Điều khoản thi hành

Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh các vướng mắc, các cơ quan, tổ chức và cá nhân phản ánh về Sở Giao thông vận tải tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, giải quyết. Trường hợp văn bản pháp luật làm căn cứ ban hành hoặc được viện dẫn trong Quy định này bị sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ, ngưng hiệu lực thì thực hiện theo văn bản đó, Sở Giao thông vận tải có trách nhiệm kiểm tra, rà soát, tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh xử lý kịp thời.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

(Đã ký)

Vũ Hồng Bắc